

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2020/HS-PT
Ngày 01-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Ông Nguyễn Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 265/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Đào D, Nguyễn Thanh T do có kháng cáo của các bị cáo D, T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đào D; Sinh năm 1984 tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú: Khu phố A, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: 193/18/8 đường số G, Khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T; có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh T và 03 con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

2. Nguyễn Thanh T; Sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 193/18/8 đường số H, Khu phố G, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình

độ văn hóa: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Con ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị Ngọc Y; Có một con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Văn Th không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Bị hại: Bà Lưu Tuyết T1; Địa chỉ: 17/15 PVH, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Thái Nguyên - Văn phòng luật sư Nguyễn Thái Nguyên thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đào D - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2013 đến khoảng tháng 3/2016, Nguyễn Đào D và Trần Văn Th cùng có mối quan hệ hợp tác kinh doanh, chủ yếu giao dịch các mặt hàng may mặc với chị Lưu Tuyết T là Giám đốc Công ty TNHH MTV T, địa chỉ số 17/15 đường PVH, phường T, Quận H. Trong quá trình kinh doanh chung với nhau không có hợp đồng kinh tế, mọi giao dịch chủ yếu bằng miệng nên xảy ra mâu thuẫn nợ tiền vải, tiền gia công của Th, D với T1.

Trong quá trình hợp tác, Nguyễn Đào D có trách nhiệm may gia công và mua phụ liệu, còn việc cung cấp vải là do T1 liên hệ với chủ vải và giao vải cho D và Nguyễn Thanh T ký nhận vải, để may gia công quần áo thành phẩm, trong thời gian kinh doanh thì Thanh nợ D khoảng 600.000.000 đồng. Trần Văn Th giao dịch mua vải thông qua T1, T1 đồng ý thì Th giao vải cho D. Sau đó, D hoặc T ký nhận, số tiền T1 nợ tiền vải của Th khoảng 400.000.000 đồng.

Qua làm việc, Lưu Tuyết T1 không xác nhận số nợ với Th và D, Tuy nhiên, D, T và Th đến gặp T1 nhiều lần để lấy tiền nợ nhưng không lấy được tiền nên D nói với Th và T nếu lấy tiền không được thì lấy hàng để cân trừ nợ của T1. T và Th cùng đồng ý. D nói thêm với Th khi đi lấy tiền nợ thì Th kêu xe ô tô tải và nhân công bốc xếp để khi lấy tiền nợ mà T1 không trả thì sẽ lấy hàng hóa của T1 cân trừ nợ.

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 10/10/2016, D gọi điện thoại cho Th để đi gặp T1 lấy tiền nợ như đã bàn trước đó. Th đồng ý và gọi điện cho Okea (chưa

rõ lai lịch) để gọi xe ô tô tải cùng với nhân viên bốc xếp đến Công ty T tại địa chỉ: 17/15 đường PVH, Khu phố G, phường T, Quận H để lấy hàng.

Khoảng 20 giờ 05 phút cùng ngày, Th điều khiển xe mô tô biển số 56P1-8230 đi đến Công ty T với khoảng 07-08 thanh niên chưa rõ lai lịch làm bốc xếp. Sau đó, T chở D bằng xe mô tô biển số 86C1-554.97 đi đến. Lúc này, D nói với Th đứng bên ngoài để D và T cùng những người bốc xếp đi vào Công ty T. Tại đây, D thấy cửa cổng mở hé nên D mở cổng đi vào cùng T và khoảng 7-8 thanh niên nêu trên, rồi D đến phòng của T1 và yêu cầu T1 mở cửa để nói chuyện, T1 mở cửa đi ra thì ông Chibueze Cyril Nnamdi sống như vợ chồng với T1 cùng đi ra. Lúc này, D nói chuyện với ông Chibueze Cyril Nnamdi và T1 về việc T1 thiếu nợ nên D và T1 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. D dùng tay phải đánh vào người T1 thì T1 dùng tay đỡ và dùng cái ghế kim loại chống trả lại thì D tiếp tục dùng nón bảo hiểm đánh T1 liên tiếp.

Trong lúc T1 bị D đánh thì T vào lấy một bao quần áo đã may thành phẩm của T1 đi ra khỏi công ty, T1 gọi điện nhờ giúp đỡ thì D tiếp tục dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào người T1, nên số nhân công bốc xếp xông vào công ty của T1 tiếp tục lấy 05 bao quần áo đem ra ngoài. Thấy vậy, T1 vào nhà lấy 01 con dao bản vuông cầm trên tay đi ra thì D tiếp tục cầm nón bảo hiểm đánh T1, rồi để tổng cộng 11 bao quần áo lên xe tải (không xác định biển số) chở đi. Còn T chạy đến ôm T1 vật ngã xuống đất rồi D cùng T gỡ lấy dao trên tay T1 ném ra ngoài. D tiếp tục dùng nón bảo hiểm đánh vào người T1 nhiều cái rồi ném bỏ nón bảo hiểm. Thấy vậy, T lấy xe mô tô chở D, còn Th cũng lấy xe mô tô chạy đi. Trên đường đi D điện thoại cho Th và nói: “D đưa anh số tiền 1.500.000 đồng để trả tiền thuê xe ô tô tải lúc này” thì Th mới nói lại: “Sao ít quá vậy, đưa ít nữa đi vì kêu xe ô tô tải mà”, D đồng ý nên nói là sẽ trả số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, Th đưa số tiền này cho Tý để trả tiền thuê xe ô tô tải và đi về nhà ngủ.

Đến sáng ngày 11/10/2016, Th điện thoại gọi tài xế tên Phạm Thanh H đến điều khiển xe ô tô tải biển số 51D-027.38 đến khu vực sân bóng đá Cây Sộp phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 để gặp Tý nhận quần áo đã may thành phẩm. Tại đây, Hải gặp Tý nhận 09 bao quần áo đã may thành phẩm nêu trên. Riêng 02 bao quần áo đã mau thành phẩm còn lại Th không biết ai cất giữ và không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 381/KLĐG ngày 26/10/2016, kết luận: 11 bao quần áo các loại có tổng trị giá 106.312.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đào D 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước;

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo Trần Văn Th về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo D, T giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện xét thấy các bị cáo Nguyễn Đào D, Nguyễn Thanh T và Trần Văn Th đã có sự bàn bạc đến công ty Thanh Tú để đòi tiền, có thỏa thuận nếu không lấy được tiền thì lấy hàng hóa để cản trừ nợ. Mặc dù bị cáo Trần Văn Th ở ngoài không vào bên trong tham gia đánh bị hại nhưng giữa các bị cáo đã thống nhất ý chí về việc lấy tài sản, bị cáo Th người thuê nhân công bốc xếp và giữ tài sản nên hành vi của bị cáo Th tham gia vụ án với vai trò đồng phạm. Do đó, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo D và T hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 12 để điều tra, xét xử lại.

Luật sư Nguyễn Thái Nguyên trình bày bài bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Đào D, Nguyễn Thanh T:

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; đồng tình quan điểm của cơ quan công tố hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ vụ án về điều tra, xét xử lại vì các lý do sau: Cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng – không khám nghiệm hiện trường, không thực nghiệm điều tra, không đưa ông Chibueze Cyril Nnamdi vào tham gia tố tụng để lấy lời khai; không lấy lời khai tài xế lái xe của bị cáo Th; không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người bốc vác –

không triệu tập lấy lời khai để xác định ai chỉ đạo là những thiếu sót nghiêm trọng bỏ lọt người, lọt tội; không xác định làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo, bị hại và người làm chứng để xác định có hay không có hành vi phạm tội; không thu giữ nón bảo hiểm, ghế kim loại và con dao để làm chứng cứ; không yêu cầu bị hại Thanh nộp lại camera; cấp sơ thẩm dùng chứng cứ duy nhất là các lời khai của các bị cáo để làm chứng cứ buộc tội là vi phạm Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự, không có chứng cứ nào chứng minh các bị cáo T, D lấy tài sản thì đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” hay không. Bị cáo T không tham gia đánh bị hại, chỉ khi bị hại cầm dao ra thì bị cáo T giằng lại chứ không tham gia đánh bị hại mà chỉ kéo một bao hàng ra ngoài thì cũng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”; Bị cáo Th là người thuê xe tải, không có chứng cứ chứng minh bị cáo D là người thuê, cấp sơ thẩm chưa làm rõ thuê xe đến làm gì, thuê bốc xếp đến làm gì, chưa làm rõ hai bị cáo D và T chỉ đạo; biên bản phiên tòa sơ thẩm phản ánh không trung thực diễn biến tại tòa là vi phạm tố tụng. Từ những phân tích trên xác định bản án sơ thẩm còn bỏ lọt người phạm tội, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin xem xét lại hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Do mâu thuẫn về dư nợ trong giao dịch cung ứng vải và dịch vụ gia công giữa Nguyễn Đào D, Trần Văn Th với bà Lưu Tuyết T1, Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu T nên D, T và Th cùng thống nhất đến gặp bà T1 để đòi tiền nếu bà T1 không trả thì lấy quần áo thành phẩm để cản trừ nợ. Đồng thời, phân công Th có trách nhiệm thuê xe tải và nhân công để lấy hàng. Khoảng 20 giờ 05 phút ngày 10/10/2016, tại địa chỉ 17/15 PVH, phường T, Quận H, các bị cáo Nguyễn Đào D, Nguyễn Thanh T và các đối tượng bốc xếp không rõ lai lịch do Trần Văn Th thuê đi vào bên trong nhà xưởng - bị cáo Nguyễn Đào D là người trực tiếp cầm nón bảo hiểm đánh nhau với bị hại để bị cáo T và nhóm nhân công

bóc xếp chiếm đoạt 11 bao quần áo thành phẩm. Tài sản chiếm đoạt được định giá là 106.312.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T, mỗi bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản” có căn cứ, mức hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên, khi áp dụng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử phạt các bị cáo T và D là chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bởi, hình phạt nặng nhất quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là nhẹ hơn quy định tại Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng lại pháp luật cho đúng.

[3] Đối với nội dung kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện trong suốt quá trình điều tra như: sau khi lời qua tiếng lại bị cáo D dùng tay đánh bị hại, bị hại dùng tay đỡ và dùng ghế kim loại chống trả lại thì bị cáo D tiếp tục dùng nón bảo hiểm đánh bị hại liên tiếp còn bị cáo T cùng các nhân công bóc xếp lấy hàng đem ra ngoài nên đủ cơ sở xác định các bị cáo đã lợi dụng số đông, khi bị hại không có khả năng bảo vệ và ngăn cản để lấy tài sản, bị hại phản ứng nhưng đã bị áp đảo không chế tinh thần bằng vũ lực là bị cáo D dùng nón bảo hiểm đuổi đánh bị hại. Từ những nhận định trên, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T.

Đối với bị cáo Trần Văn Th theo quan điểm kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Mặc dù bị cáo Th có tham gia, bàn bạc cùng các bị cáo D và T đến Công ty T để lấy hàng, tuy nhiên cũng chỉ giới hạn thuê phương tiện và kêu thêm người đến để lấy tài sản, hoàn toàn không có dấu hiệu bàn bạc dùng vũ lực để lấy tài sản, việc bị cáo D và bị cáo T dùng vũ lực với bị hại T1 là do hai bị cáo bộc phát ngoài ý thức chủ quan của bị cáo Th, bị cáo Th hoàn toàn không tham gia vào việc đánh bị hại nên hành vi của bị cáo Th có giới hạn, không đồng phạm với các bị cáo D, T về tội “Cướp tài sản”. Do đó việc Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm là chưa đủ căn cứ.

Đối với quan điểm của luật sư bào chữa, Hội đồng cấp phúc thẩm nhận định như sau: Các nội dung mà luật sư nêu là không có căn cứ bởi lẽ trước khi xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngoài đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo, thì luật sư và các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T cũng như những người tham gia tố tụng không khiếu nại về các quyết định tố tụng

cũng như hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, lời bào chữa của luật sư cho rằng biên bản phiên tòa sơ thẩm không phản ánh trung thực, không đúng lời khai của các bị cáo là không có căn cứ. Ngoài ra diễn biến của nội dung vụ án cũng như hành vi của các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T đã được camera quay lại xuyên suốt diễn biến sự việc và đây là chứng cứ khách quan phản ánh trung thực nhất đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó lời bào chữa của luật sư cũng như lời kêu oan của các bị cáo là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm lời khai của các bị cáo Nguyễn Đào D và Nguyễn Thanh T không thành khẩn, thể hiện thái độ của các bị cáo không ăn năn hối cải nên cấp phúc thẩm không xem xét giảm nhẹ hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Đào D, Nguyễn Thanh T; không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm và không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đào D, Nguyễn Thanh T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đào D 07 (bảy)** năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T 07 (bảy)** năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị

có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (2)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- Người bào chữa; (1)
- THADS Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (2)
- Công an Quận 12; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Anh